

Số: 01/QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUY ĐỊNH
Về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức Công đoàn

Căn cứ Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

Căn cứ các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Theo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Quy định về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức công đoàn như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức Công đoàn Việt Nam đối với tổ chức, cán bộ công đoàn các cấp trong việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của tổ chức Công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp công đoàn, cán bộ công đoàn; các đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế của tổ chức công đoàn theo phân cấp quản lý trong hệ thống Công đoàn Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp từ công đoàn cơ sở trở lên, do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu hoặc công đoàn cấp trên chỉ định theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành.

2. Cơ quan ủy ban kiểm tra hoặc ban tổ chức - kiểm tra là đầu mối tham mưu, giúp việc chuyên trách của ủy ban kiểm tra cùng cấp, được thành lập tại Cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của cấp ủy đảng hoặc của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Kiểm tra công đoàn là việc các cấp công đoàn xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn, đơn vị, tổ chức công đoàn, của cán bộ, đoàn viên công đoàn trong việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Giám sát của công đoàn là việc các cấp công đoàn quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn, đơn vị, tổ chức công đoàn, cán bộ, đoàn viên công đoàn được giám sát chấp hành nghiêm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

5. Khi có dấu hiệu vi phạm là khi có những thông tin, tài liệu, phản ánh, đòi chiếu cho thấy cơ quan, đơn vị, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn không tuân thủ, không làm hoặc làm trái với Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

6. Phúc tra là hình thức kiểm tra lại, nhắc nhở, uốn nắn, yêu cầu phải thực hiện nghiêm các kiến nghị của đoàn kiểm tra.

7. Thời hạn kiểm tra, giám sát là thời gian được tính từ ngày chủ thể kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát hoặc ngày nhận được báo cáo của đối tượng kiểm tra, giám sát đến ngày kết thúc cuộc kiểm tra, giám sát đó.

8. Mốc thời gian kiểm tra, giám sát: Được tính theo ngày làm việc, một năm tính đủ 12 tháng.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

1. Kiểm tra, giám sát là chức năng quan trọng của tổ chức công đoàn, là nhiệm vụ thường xuyên của ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ), ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp. Các cấp công đoàn phải thường xuyên tiến hành công tác tự kiểm tra, giám sát (kiểm tra cùng cấp) và kiểm tra, giám sát cấp dưới thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý. Đối với công đoàn cấp cơ sở có dưới 30 đoàn viên, ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở căn cứ vào điều kiện cụ thể để thực hiện kiểm tra, giám sát cho phù hợp.

2. Công đoàn cấp trên kiểm tra, giám sát công đoàn cấp dưới, trước hết là cấp dưới trực tiếp. Tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và sự phân công, phân cấp của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát; chủ động, kịp thời, công khai, dân chủ, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác, nghiêm minh.

Điều 4. Mục đích kiểm tra, giám sát

1. Chủ động nắm tình hình và đánh giá đúng hoạt động của tổ chức và cán bộ công đoàn thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý; đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; góp phần bổ sung, sửa đổi các quy định của công đoàn phù hợp với thực tiễn.

2. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện kịp thời những vi phạm trong tổ chức, hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp để kịp thời điều chỉnh giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng Điều lệ Công đoàn Việt Nam, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Phát huy ưu điểm; phát hiện hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân để kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh, xử lý khắc phục; cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn các cấp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát.

4. Giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng Điều lệ Công đoàn Việt Nam, quy định của Nhà nước, của Tổng Liên đoàn về công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

5. Nâng cao chất lượng cán bộ công đoàn, làm trong sạch đội ngũ cán bộ công đoàn, xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Chương II

PHẠM VI, CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 5. Phạm vi kiểm tra, giám sát

1. Ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp (từ cấp cơ sở trở lên) kiểm tra, giám sát các đối tượng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp tổ chức, thực hiện kiểm tra, giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới về việc thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, Nhà nước.

Kiểm tra, giám sát việc thu, phân phối, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn.

3. Các ban tham mưu giúp việc chuyên trách của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn giám sát thường xuyên đối với các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lĩnh vực phụ trách.

Điều 6. Chủ thể kiểm tra, giám sát

1. Chủ thể kiểm tra:

a) Ban chấp hành công đoàn các cấp;

b) Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban thường vụ công đoàn các cấp;

c) Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp (nơi không có ủy ban kiểm tra theo quy định Điều lệ Công đoàn Việt Nam thì ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở chủ động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát).

2. Chủ thể giám sát:

a) Ban chấp hành công đoàn các cấp;

b) Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban thường vụ công đoàn các cấp;

c) Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp (nơi không có ủy ban kiểm tra theo quy định Điều lệ Công đoàn Việt Nam thì ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở chủ động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát).

d) Các ban tham mưu giúp việc chuyên trách của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn thực hiện việc giám sát thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm của chủ thể kiểm tra

1. Ban chấp hành công đoàn các cấp chịu trách nhiệm trước công đoàn cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn cùng cấp và cấp dưới; Ban chấp hành công đoàn các cấp thông qua chương trình toàn khoá về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn cùng cấp.

2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp (nơi không có ban thường vụ là ban chấp hành) chịu trách nhiệm trước ban chấp hành về tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát; quyết định kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm của công đoàn cấp mình, chỉ đạo ủy ban kiểm tra cùng cấp và công đoàn cấp dưới xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về chấp hành Điều lệ Công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đoàn cùng cấp và cấp dưới; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3. Ủy ban kiểm tra được chủ động thực hiện quyền kiểm tra, giám sát công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định tại Điều lệ Công đoàn và quy chế, chương trình công tác kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp thông qua.

4. Căn cứ vào nhiệm vụ chương trình công tác hàng năm đã thông qua, chủ thể kiểm tra xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn kiểm tra, giám sát.

5. Thành lập đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra về việc thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, Nhà nước; kiểm tra và kiến nghị xử lý kịp thời khi tổ chức, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công đoàn, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của công đoàn; kiểm tra, giám sát việc thu, phân phối, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn.

Đoàn kiểm tra được thành lập theo quyết định của Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành do chủ tịch hoặc phó chủ tịch ký ban hành.

Đoàn kiểm tra được thành lập theo quyết định của ủy ban kiểm tra do chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ký ban hành.

6. Thông báo cho đối tượng kiểm tra về kế hoạch kiểm tra, quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

Yêu cầu đối tượng kiểm tra và các cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

7. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra khi cần thiết.

8. Giám sát đoàn kiểm tra, xem xét báo cáo kết quả kiểm tra. Thông qua dự thảo thông báo kết luận kiểm tra; ban hành thông báo kết luận kiểm tra.

Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm của chủ thể giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Thẩm quyền của chủ thể giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Ban hành các văn bản thực hiện công tác giám sát (chương trình, kế hoạch, thông báo, quyết định giám sát).

b) Cử đại diện lãnh đạo hoặc cán bộ theo dõi lĩnh vực, địa bàn dự các cuộc họp, hội nghị của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực công đoàn cùng cấp và các tổ chức công đoàn cấp dưới theo quy định; lập các đoàn, tổ giám sát để tiến hành các cuộc giám sát; nắm tình hình liên quan đến đối tượng được giám sát.

c) Chủ thể giám sát, đoàn giám sát, cán bộ được giao nhiệm vụ giám sát được yêu cầu đối tượng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin,

tài liệu, trả lời, trao đổi về những nội dung liên quan đến việc giám sát; yêu cầu tổ chức công đoàn quản lý đối tượng giám sát phối hợp thực hiện.

d) Qua giám sát, chủ thể giám sát nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, thiếu sót, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; kịp thời nhắc nhở đối tượng được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế, thiếu sót, vi phạm (nếu có); rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi, nhắc nhở, cảnh báo, kiến nghị những vấn đề cần thiết.

đ) Khi phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận của công đoàn; quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì yêu cầu khắc phục, sửa chữa hoặc xử lý theo thẩm quyền; nếu thấy cần thiết thì yêu cầu hủy bỏ quyết định, quy định sai trái đó; nếu phát hiện tổ chức công đoàn hoặc cán bộ, đoàn viên công đoàn có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức công đoàn có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

2. Trách nhiệm của chủ thể giám sát

a) Thực hiện việc giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch và giữ bí mật về nội dung văn bản, tài liệu, thông tin cá nhân có liên quan đến việc giám sát. Công tâm, khách quan khi thực hiện giám sát; báo cáo, chịu trách nhiệm trước tổ chức công đoàn có thẩm quyền về kết quả giám sát.

b) Thông báo cho đối tượng giám sát về kế hoạch giám sát, quyết định thành lập đoàn giám sát.

c) Thông báo bằng văn bản kết luận giám sát chuyên đề cho đối tượng giám sát; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung những vấn đề cần thiết và tiếp tục theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở đối tượng giám sát chấp hành kết luận giám sát.

d) Báo cáo kết quả giám sát với tổ chức công đoàn có thẩm quyền và thông báo cho tổ chức công đoàn có liên quan. Đoàn giám sát và cán bộ được giao nhiệm vụ giám sát có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản với chủ thể giám sát; lập và quản lý hồ sơ theo quy định.

đ) Hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, phổ biến công tác giám sát theo quy định.

Điều 9. Đối tượng kiểm tra, giám sát

Tổ công đoàn, ban chấp hành công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn; ban chấp hành, ban thường vụ, công đoàn cơ sở thành viên (nếu có) trở lên; ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp; các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, kinh tế của công đoàn, các ban tham mưu, giúp việc của công đoàn; cán bộ công đoàn các cấp theo phân cấp quản lý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 10. Phân cấp kiểm tra, giám sát của các cấp công đoàn

1. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kiểm tra, giám sát: Đoàn Chủ tịch, Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn, các đồng chí ủy viên Đoàn Chủ tịch, ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kiểm tra, giám sát: Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn, các ban tham mưu, giúp việc chuyên trách của Tổng Liên đoàn; các tổ chức công đoàn, đơn vị sự nghiệp, kinh tế trực thuộc Tổng Liên đoàn; các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn và cán bộ thuộc diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quản lý.

3. Ban chấp hành công đoàn các cấp từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, thành phố công đoàn ngành trung ương và tương đương kiểm tra, giám sát: ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp; ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp.

4. Ban thường vụ công đoàn các cấp từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, thành phố công đoàn ngành trung ương và tương đương kiểm tra, giám sát: ủy ban kiểm tra, cán bộ, bộ phận tham mưu, giúp việc của công đoàn cùng cấp; tổ chức công đoàn cấp dưới trực thuộc, ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp và cán bộ công đoàn cấp dưới thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

5. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp kiểm tra, giám sát: ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và cán bộ công đoàn cùng cấp (không phải là cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý theo phân cấp); ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn cấp dưới; cán bộ công đoàn cấp dưới thuộc diện công đoàn cùng cấp quản lý.

6. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của công đoàn thực hiện việc giám sát thường xuyên: cơ quan, bộ phận, cá nhân tham mưu, giúp việc của công đoàn cấp dưới trực tiếp thuộc lĩnh vực cơ quan quản lý; thành viên trong cơ quan tham mưu, giúp việc và cán bộ thuộc lĩnh vực cơ quan quản lý.

Chương III

QUY TRÌNH, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 11. Quy trình kiểm tra, giám sát

1. Quy trình kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam và công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đoàn (*kèm theo phụ lục số 01*).

2. Quy trình kiểm tra dấu hiệu vi phạm (*kèm theo phụ lục số 02*).

3. Quy trình giám sát chuyên đề (*kèm theo phụ lục số 03*).

Điều 12. Nội dung, hình thức, phương pháp, thông báo kết luận kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

a) Nội dung kiểm tra đối với cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn.

- Việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận của công đoàn, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác của tổ chức, đơn vị.

- Các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các hành vi không được làm, nghiêm cấm được xác định trong nghị quyết, quy định, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Kiểm tra đối với tổ chức, tập thể về chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức hoạt động công đoàn, quy chế làm việc, chế độ công tác; việc ban hành các văn bản cụ thể hóa, thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị.

- Các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài chính tài sản công đoàn, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế công đoàn đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Liên đoàn.

- Việc chấp hành các kết luận, kiến nghị, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp trên trực tiếp quản lý, của các cơ quan thanh tra, kiểm toán.

- Các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

d) Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm

Khi phát hiện thấy những biểu hiện, những hiện tượng mà thông qua đó cá nhân hay tổ chức có thể dẫn đến vi phạm hoặc đã vi phạm nhưng chưa được phát hiện, chưa được kết luận thì tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Trên cơ sở các nguồn thông tin thu thập được, phân loại tính chất, mức độ quan trọng của dấu hiệu vi phạm để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra. Việc phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm thông qua:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.
- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đoàn viên, người lao động.
- Phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng đã được kiểm chứng.

Căn cứ vào nội dung phát hiện đã được xác định để thành lập đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra làm rõ các vi phạm của tập thể, cá nhân có liên quan.

2. Các hình thức kiểm tra

- a) Kiểm tra định kỳ (kiểm tra thường xuyên).
- b) Kiểm tra đột xuất.
- c) Kiểm tra dấu hiệu vi phạm.
- d) Phúc tra.

3. Phương pháp kiểm tra

- a) Xem xét hồ sơ, tài liệu, báo cáo của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
- b) Nghiên cứu, xem xét các văn bản, báo cáo ban hành; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và nhiệm vụ được giao của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
- c) Ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng, Thanh tra nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; dư luận xã hội, phản ánh từ các phương tiện thông tin đại chúng,...
- d) Xem xét đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, đoàn viên công đoàn, người lao động gửi đến tổ chức công đoàn.
- đ) Kiểm tra, đối chiếu, xác định tính trung thực của văn bản, sổ sách, chứng từ, tài liệu.
- e) Yêu cầu giải trình: đối với những sự việc, tài liệu, số liệu phản ánh chưa rõ, chưa đủ cơ sở kết luận. Yêu cầu đơn vị được kiểm tra giải trình bằng văn bản gửi Đoàn kiểm tra.
- g) Đối thoại, chất vấn: Trường hợp giải trình của đối tượng chưa rõ, tiến hành tổ chức đối thoại, chất vấn đối tượng được kiểm tra để làm rõ thêm đúng, sai về nội dung và trách nhiệm của tập thể, cá nhân.

h) Thẩm tra, xác minh (khi cần thiết).

i) Trưng cầu giám định (khi cần thiết).

4. Thông báo kết luận kiểm tra

a) Xây dựng, hoàn thiện và thông qua báo cáo kết quả kiểm tra.

b) Ban hành thông báo kết luận kiểm tra: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị thông qua báo cáo kết quả kiểm tra và dự thảo thông báo kết luận kiểm tra, đoàn kiểm tra tiếp thu, hoàn thiện thông báo kết luận kiểm tra, báo cáo trình Đoàn Chủ tịch, ban chấp hành, ban thường vụ, lãnh đạo ủy ban kiểm tra ký ban

Căn cứ vào nội dung phát hiện đã được xác định để thành lập đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra làm rõ các vi phạm của tập thể, cá nhân có liên quan.

2. Các hình thức kiểm tra

- a) Kiểm tra định kỳ (kiểm tra thường xuyên).
- b) Kiểm tra đột xuất.
- c) Kiểm tra dấu hiệu vi phạm.
- d) Phúc tra.

3. Phương pháp kiểm tra

- a) Xem xét hồ sơ, tài liệu, báo cáo của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
- b) Nghiên cứu, xem xét các văn bản, báo cáo ban hành; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và nhiệm vụ được giao của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
- c) Ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng, Thanh tra nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; dư luận xã hội, phản ánh từ các phương tiện thông tin đại chúng,...
- d) Xem xét đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, đoàn viên công đoàn, người lao động gửi đến tổ chức công đoàn.
- đ) Kiểm tra, đối chiếu, xác định tính trung thực của văn bản, sổ sách, chứng từ, tài liệu.
- e) Yêu cầu giải trình: đối với những sự việc, tài liệu, số liệu phản ánh chưa rõ, chưa đủ cơ sở kết luận. Yêu cầu đơn vị được kiểm tra giải trình bằng văn bản gửi Đoàn kiểm tra.
- g) Đối thoại, chất vấn: Trường hợp giải trình của đối tượng chưa rõ, tiến hành tổ chức đối thoại, chất vấn đối tượng được kiểm tra để làm rõ thêm đúng, sai về nội dung và trách nhiệm của tập thể, cá nhân.

h) Thẩm tra, xác minh (khi cần thiết).

i) Trưng cầu giám định (khi cần thiết).

4. Thông báo kết luận kiểm tra

a) Xây dựng, hoàn thiện và thông qua báo cáo kết quả kiểm tra.

b) Ban hành thông báo kết luận kiểm tra: Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị thông qua báo cáo kết quả kiểm tra và dự thảo thông báo kết luận kiểm tra, đoàn kiểm tra tiếp thu, hoàn thiện thông báo kết luận kiểm tra, báo cáo trình Đoàn Chủ tịch, ban chấp hành, ban thường vụ, lãnh đạo ủy ban kiểm tra ký ban

Ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn các cấp giám sát trực tiếp bằng cách:

- Thực hiện đối thoại, chất vấn tại các kỳ họp, hội nghị của công đoàn.
- Nghe báo cáo trực tiếp từ công đoàn cấp dưới.
- Cử cán bộ, thành viên đoàn (tổ) giám sát tham dự các cuộc họp, hội nghị, hoạt động của đối tượng giám sát.
- Quan sát, tìm hiểu, gặp gỡ, giao tiếp, trao đổi, góp ý trực tiếp với đối tượng giám sát; cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng giám sát.

Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát trực tiếp bằng cách:

- Dự các cuộc họp, hội nghị của ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn cùng cấp.
- Theo dõi lĩnh vực, địa bàn, dự các cuộc họp, hội nghị của công đoàn cấp dưới.
- Tham gia các đoàn công tác của công đoàn cùng cấp.
- Gặp gỡ, trao đổi, góp ý với đối tượng giám sát.
- Đôn đốc, theo dõi việc chấp hành thông báo kết luận kiểm tra, giám sát chuyên đề.

b) Phương pháp giám sát gián tiếp:

Ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp giám sát gián tiếp bằng cách:

- Xem xét hồ sơ, tài liệu, báo cáo của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
- Nghiên cứu, xem xét các văn bản, báo cáo; các thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; kết quả đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và được giao của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
- Ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của tổ chức có thẩm quyền; dư luận xã hội, phản ánh từ các phương tiện thông tin đại chúng,...
- Xem xét đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, đoàn viên công đoàn, người lao động gửi đến tổ chức công đoàn.

4. Xử lý kết quả giám sát

a) Kịp thời nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo bằng các hình thức thích hợp theo thẩm quyền với đối tượng giám sát về những vấn đề cần thiết.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát; xem xét trách nhiệm của đối tượng giám sát; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Yêu cầu đối tượng giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm và khắc phục hậu quả (nếu có).

d) Yêu cầu tổ chức công đoàn và lãnh đạo có thẩm quyền chỉ đạo đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết luận giám sát.

đ) Qua giám sát, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì chủ thể giám sát có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định kiểm tra.

Chương IV

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ CƠ QUAN THAM MUÙ, GIÚP VIỆC VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 14. Quyền hạn, trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Quyền của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

a) Được chủ thể kiểm tra, giám sát thông báo trước quyết định, kế hoạch kiểm tra, giám sát.

b) Được thảo luận, trình bày ý kiến, giải trình và bảo lưu ý kiến; được sử dụng bằng chứng chứng minh về các nội dung kiểm tra, giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình; được nghe nhận xét, đánh giá về bản thân hay tổ chức mà mình là thành viên.

c) Từ chối trả lời, cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình hoặc không liên quan đến nội dung kiểm tra hoặc nhận thấy chủ thể kiểm tra, giám sát thực hiện không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền kiểm tra, giám sát.

d) Được đề nghị chủ thể kiểm tra, giám sát công đoàn cấp trên xem xét lại nhận xét, đánh giá hoặc việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát.

2. Trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

a) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức công đoàn. Chấp hành các yêu cầu, quyết định của công đoàn cấp trên, của cấp có thẩm quyền.

b) Trong quá trình kiểm tra, giám sát đối tượng kiểm tra, giám sát phải thực hiện nghiêm các yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát. Có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp, buổi làm việc được triệu tập; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin,

hồ sơ tài liệu; báo cáo, trao đổi đầy đủ, trung thực với chủ thể kiểm tra, giám sát về các nội dung được yêu cầu.

c) Không để lộ nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết; không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể kiểm tra, giám sát.

Điều 15. Trách nhiệm cơ quan tham mưu giúp việc về công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn các cấp

1. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp phối hợp với các ban tham mưu giúp việc chuyên trách của cơ quan công đoàn tham mưu cho Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ công đoàn cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm theo quy định; tham gia các đoàn do Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ chủ trì kiểm tra, giám sát; tham mưu cho Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ ban hành thông báo kết luận các cuộc kiểm tra, giám sát.

2. Ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra công đoàn cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

3. Trường hợp cần thiết có thể trưng tập thêm cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý, mời các chuyên gia tham gia đoàn kiểm tra, giám sát của Công đoàn.

4. Theo dõi, đôn đốc, giám sát đối tượng kiểm tra, giám sát thực hiện các kiến nghị, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện khắc phục, sửa chữa các thiếu sót, hạn chế, vi phạm (nếu có) của đơn vị, cá nhân được kiểm tra, giám sát khi Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ công đoàn cùng cấp yêu cầu.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy định về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức công đoàn được biểu dương khen thưởng theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức công đoàn, tùy theo tính chất, mức độ, nguyên nhân, hậu quả, ảnh hưởng của hành vi vi phạm để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Ban chấp hành công đoàn các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp có trách nhiệm tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn cùng cấp tổ chức triển khai, thực hiện Quy định về công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức công đoàn.

3. Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; đề xuất Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, sửa đổi bổ sung khi cần thiết.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 833/QĐ-TLĐ ngày 17/4/2018 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy định giám sát trong tổ chức công đoàn, Quyết định số 684/QĐ-TLĐ ngày 08/6/2020 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc quy trình kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công đoàn. SVO

Nơi nhận:

- Các ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn;
- Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn;
- Các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố;
- Các công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc TLĐ;
- Các ban của Tổng Liên đoàn;
- Các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn;
- Lưu: VT, UBKT.



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Khang

VIỆT